



**Công ty Cổ phần Ngô Han**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010



**Công ty Cổ phần Ngô Han**  
**Thông tin về Công ty**

|                            |       |                           |
|----------------------------|-------|---------------------------|
| <b>Giấy phép Đầu tư số</b> | 52914 | ngày 16 tháng 6 năm 1997  |
|                            | 52914 | ngày 30 tháng 9 năm 2002  |
|                            | 52914 | ngày 11 tháng 4 năm 2003  |
|                            | 52914 | ngày 12 tháng 11 năm 2003 |

|  |            |                           |
|--|------------|---------------------------|
| <b>Giấy Chứng nhận Đăng ký<br/>Kinh doanh số</b> | 4703000102 | ngày 26 tháng 4 năm 2004  |
|  | 4703000102 | ngày 10 tháng 5 năm 2004  |
|  | 4703000102 | ngày 11 tháng 6 năm 2007  |
|  | 4703000102 | ngày 30 tháng 7 năm 2008  |
|  | 4703000102 | ngày 22 tháng 10 năm 2008 |
|  | 4703000102 | ngày 20 tháng 2 năm 2009  |

Giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

|                          |                   |            |
|--------------------------|-------------------|------------|
| <b>Hội đồng Quản trị</b> | Ngô Thị Thông     | Chủ tịch   |
|                          | Nguyễn Anh Tuấn   | Thành viên |
|                          | Huỳnh Quốc Thái   | Thành viên |
|                          | Nguyễn Khánh Linh | Thành viên |
|                          | Nguyễn Huy Hùng   | Thành viên |

|                     |                |   |
|---------------------|----------------|---|
| <b>Ban Giám đốc</b> | Ngô Thị Thông  | Tổng Giám đốc<br>(từ ngày 1 tháng 6 năm 2010)   |
|                     | Low Siew Chain | Tổng Giám đốc<br>(đến ngày 31 tháng 5 năm 2010) |

|                       |  |
|-----------------------|--|
| <b>Trụ sở đăng ký</b> | Xã Phước Thái, Huyện Long Thành<br>Tỉnh Đồng Nai<br>Việt Nam |
|-----------------------|--|

|                         |                               |
|-------------------------|-------------------------------|
| <b>Đơn vị kiểm toán</b> | Công ty TNHH KPMG<br>Việt Nam |
|-------------------------|-------------------------------|



**KPMG Limited**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Ngô Han**

### **Phạm vi soát xét**

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Ngô Han tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là phát hành báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt nam áp dụng cho việc soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự bảo đảm vừa phải rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm phỏng vấn nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo ít hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận**


Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, không có sự kiện nào để chúng tôi tin rằng các báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc cùng ngày và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các yêu cầu khác liên quan đến báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam**

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-189



  
**Chang Hung Chun**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N0863/KTV  
Phó Tổng Giám đốc



**Nguyễn Thanh Nghị**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2010

**Công ty Cổ phần Ngô Han**

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010**

|                                     | Mã số      | Thuyết minh | 30/6/2010<br>VND       | 31/12/2009<br>VND      |
|-------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                      |            |             |                        |                        |
| Tài sản ngắn hạn                    | 100        |             | 376.984.230.092        | 428.437.793.292        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền  | 110        | 3           | 27.311.871.056         | 91.518.401.006         |
| <b>Đầu phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b> | <b>4</b>    | <b>177.271.931.539</b> | <b>152.751.035.717</b> |
| Phải thu thương mại                 | 131        |             | 166.229.402.930        | 151.426.337.582        |
| Trả trước cho người bán             | 132        |             | 10.263.395.530         | 825.668.667            |
| Phải thu khác                       | 135        |             | 995.650.360            | 715.546.749            |
| Dự phòng phải thu khó đòi           | 139        |             | (216.517.281)          | (216.517.281)          |
| <b>Hàng tồn kho</b>                 | <b>140</b> | <b>5</b>    | <b>163.203.363.876</b> | <b>180.840.402.756</b> |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>        | <b>150</b> |             | <b>9.197.063.621</b>   | <b>3.327.953.813</b>   |
| Chi phí trả trước ngắn hạn          | 151        |             | 705.592.457            | 1.288.336.294          |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152        |             | 8.440.206.706          | 2.035.383.017          |
| Tài sản ngắn hạn khác               | 154        |             | 51.264.458             | 4.234.502              |
| Tài sản dài hạn                     | 200        |             | 72.514.138.037         | 71.835.123.414         |
| <b>Tài sản cố định</b>              | <b>220</b> |             | <b>69.150.768.607</b>  | <b>70.673.396.858</b>  |
| Tài sản cố định hữu hình            | 221        | 6           | 58.965.915.852         | 55.248.586.556         |
| Nguyên giá                          | 222        |             | 143.327.135.401        | 134.771.526.968        |
| Khấu hao lũy kế                     | 223        |             | (84.361.219.549)       | (79.522.940.412)       |
| Tài sản cố định vô hình             | 227        | 7           | 1.554.866.224          | 174.114.571            |
| Nguyên giá                          | 228        |             | 2.269.329.818          | 606.278.318            |
| Phân bổ lũy kế                      | 229        |             | (714.463.594)          | (432.163.747)          |
| Xây dựng cơ bản dở dang             | 230        | 8           | 8.629.986.531          | 15.250.695.731         |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>         | <b>260</b> |             | <b>3.363.369.430</b>   | <b>1.161.726.556</b>   |
| Chi phí trả trước dài hạn           | 261        | 9           | 3.183.096.427          | 981.453.553            |
| Tài sản thuế hoãn lại               | 262        |             | 180.273.003            | 180.273.003            |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                 | <b>270</b> |             | <b>449.498.368.129</b> | <b>500.272.916.706</b> |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Ngô Han**

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

|                                  | Mã số      | Thuyết minh | 30/6/2010<br>VND       | 31/12/2009<br>VND      |
|----------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                 |            |             |                        |                        |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>               | <b>300</b> |             | <b>180.297.352.125</b> | <b>259.435.208.422</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>               | <b>310</b> |             | <b>179.162.849.125</b> | <b>258.293.263.922</b> |
| Vay ngắn hạn                     | 311        | 10          | 134.808.246.983        | 172.707.680.129        |
| Phải trả thương mại              | 312        |             | 4.918.284.211          | 50.870.488.854         |
| Tam ứng từ khách hàng            | 313        |             | 516.117.971            | 1.600.990.766          |
| Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước | 314        | 11          | 32.941.719.713         | 17.738.483.065         |
| Phải trả nhân viên               | 315        |             | 792.137.350            | 677.392.738            |
| Chi phí trích trước              | 316        | 12          | 2.726.263.191          | 4.161.444.014          |
| Phải trả khác                    | 319        | 13          | 2.460.079.706          | 10.536.784.356         |
| <b>Nợ dài hạn</b>                | <b>330</b> |             | <b>1.134.503.000</b>   | <b>1.141.944.500</b>   |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc       | 336        | 14          | 1.134.503.000          | 1.141.944.500          |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>            | <b>400</b> |             | <b>269.201.016.004</b> | <b>240.837.708.284</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>            | <b>410</b> |             | <b>269.201.016.004</b> | <b>240.837.708.284</b> |
| Vốn cổ phần                      | 411        | 15          | 229.506.273.435        | 229.506.273.435        |
| Lợi nhuận chưa phân phối         | 420        |             | 39.694.742.569         | 11.331.434.849         |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>            | <b>440</b> |             | <b>449.498.368.129</b> | <b>500.272.916.706</b> |

Người lập:



Nguyễn Thị Hương  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thị Thông  
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 8 năm 2010


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Ngô Han**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**

|   | Mã số | Thuyết minh | Giai đoạn từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 VNĐ | Giai đoạn từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ | Giai đoạn từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 VNĐ | Giai đoạn từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ |
|---|-------|-------------|---|---|---|---|
| Tổng doanh thu                          | 01    | 16          | 266.888.930.270                         | 525.011.893.782                         | 253.368.413.106                         | 432.592.785.000                         |
| Các khoản giảm trừ                      | 03    |             | (241.207.499)                           | (292.170.448)                           | (185.740.545)                           | (240.069.564)                           |
| Doanh thu thuần                         | 10    |             | 266.647.722.771                         | 524.719.723.334                         | 253.182.672.561                         | 432.352.715.436                         |
| Giá vốn hàng bán                        | 11    | 17          | (232.553.612.847)                       | (451.444.172.201)                       | (218.564.159.457)                       | (404.034.744.268)                       |
| Lợi nhuận gộp                           | 20    |             | 34.094.109.924                          | 73.275.551.133                          | 34.618.513.104                          | 28.317.971.168                          |
| Doanh thu hoạt động tài chính           | 21    | 18          | 1.971.668.665                           | 5.870.689.397                           | 1.249.440.497                           | 3.225.910.094                           |
| Chi phí hoạt động tài chính             | 22    | 19          | (3.238.078.115)                         | (16.541.970.527)                        | (5.133.241.240)                         | (17.216.215.322)                        |
| Chi phí bán hàng                        | 24    |             | (3.022.833.426)                         | (7.974.290.536)                         | (1.686.180.577)                         | (2.606.113.752)                         |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp            | 25    |             | (2.197.225.781)                         | (4.607.012.549)                         | (1.400.915.878)                         | (3.412.358.700)                         |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30    |             | 27.607.641.267                          | 50.022.966.918                          | 27.647.615.906                          | 8.309.193.488                           |
| Kết quả từ những hoạt động khác         | 40    |             |   |   |   |   |
| Thu nhập khác                           | 31    |             | 35.058.369                              | 37.100.044                              | 666.144.807                             | 1.178.569.696                           |
| Chi phí khác                            | 32    |             | (1.210.000)                             | (1.990.000)                             | (900.000)                               | (19.395.383)                            |
| Lợi nhuận trước thuế                    | 50    |             | 27.641.489.636                          | 50.058.076.962                          | 28.312.860.713                          | 9.468.367.801                           |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành    | 51    | 20          | (6.910.372.410)                         | (12.514.519.242)                        | (1.656.964.365)                         | (1.656.964.365)                         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại     | 52    | 20          | -                                       | -                                       | -                                       | -                                       |
| Lợi nhuận thuần sau thuế                | 60    |             | 20.731.117.226                          | 37.543.557.720                          | 26.655.896.348                          | 7.811.403.436                           |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                | 70    | 21          | 903                                     | 1.636                                   | 1.161                                   | 340                                     |

Người lập:

  
 Nguyễn Thị Hương  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Ngô Thị Thông  
 Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Ngô Han**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**

|   | <b>Vốn cổ phần<br/>VND</b> | <b>Lợi nhuận chưa<br/>phân phối<br/>VND</b> | <b>Tổng<br/>VND</b> |
|---|----------------------------|---|---------------------|
| <b>Số dư ngày 1 tháng 7 năm<br/>2009</b>  | 229.506.273.435            | 10.258.772.456                              | 239.765.045.891     |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ                  | -                          | 35.774.607.189                              | 35.774.607.189      |
| Cổ tức                                    | -                          | (34.701.944.796)                            | (34.701.944.796)    |
| <b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm<br/>2010</b>  | 229.506.273.435            | 11.331.434.849                              | 240.837.708.284     |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ                  | -                          | 37.543.557.720                              | 37.543.557.720      |
| Cổ tức (Thuyết minh 22)                   | -                          | (9.180.250.000)                             | (9.180.250.000)     |
| <b>Số dư ngày 30 tháng 6 năm<br/>2010</b> | 229.506.273.435            | 39.694.742.569                              | 269.201.016.004     |

Người lập:



**Nguyễn Thị Hương**  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



**Ngô Thị Thông**  
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 8 năm 2010

**Công ty Cổ phần Ngô Han**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**

|   | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | Giai đoạn từ<br>1/1/2010 đến<br>30/6/2010<br>VND | Giai đoạn từ<br>1/1/2009 đến<br>30/6/2009<br>VND |
|---|-----------|----------------|--|--|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                              |           |                |  |  |
| Lợi nhuận trước thuế  | 01        |                | 50.058.076.962                                   | 9.468.367.801                                    |
| Điều chỉnh cho các khoản  |           |                |  |  |
| Khấu hao và phân bổ   | 02        |                | 5.804.658.966                                    | 5.118.254.172                                    |
| Dự phòng  | 03        |                | -  | (16.429.957.744)                                 |
| Thu nhập lãi tiền gửi   | 05        |                | (3.354.494.156)                                  | (1.105.373.440)                                  |
| Chi phí lãi vay   | 06        |                | 4.931.317.495                                    | 3.758.031.931                                    |
| <b>Lợi nhuận hoạt động kinh doanh trước<br/>những thay đổi vốn lưu động</b> | <b>09</b> |                | <b>57.439.559.267</b>                            | <b>809.322.720</b>                               |
| Biến động các khoản phải thu và tài<br>sản ngắn hạn khác                    | 10        |                | (30.390.005.630)                                 | (8.186.387.876)                                  |
| Biến động hàng tồn kho  | 11        |                | 17.637.038.880                                   | 243.911.940.724                                  |
| Biến động các khoản phải trả và nợ<br>khác                                  | 12        |                | (48.205.520.523)                                 | (20.288.151.315)                                 |
|   |           |                | <b>(3.518.928.006)</b>                           | <b>216.246.724.253</b>                           |
| Lãi vay đã trả  | 13        |                | (5.356.613.156)                                  | (1.402.216.431)                                  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 14        |                | (1.656.964.365)                                  | -  |
| <b>Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động<br/>kinh doanh</b>                 | <b>20</b> |                | <b>(10.532.505.527)</b>                          | <b>214.844.507.822</b>                           |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                  |           |                |  |  |
| Chi mua tài sản cố định và tài sản dài<br>hạn khác                          | 21        |                | (6.483.673.589)                                  | (1.640.233.199)                                  |
| Thu lãi tiền gửi  | 27        |                | 3.354.494.156                                    | 1.105.373.440                                    |
| <b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>                                  | <b>30</b> |                | <b>(3.129.179.433)</b>                           | <b>(534.859.759)</b>                             |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

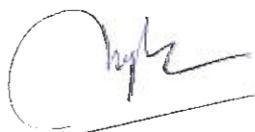


**Công ty Cổ phần Ngô Han**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010  
(tiếp theo)**

|   | Mã        | Thuyết | Giai đoạn từ            | Giai đoạn từ             |
|---|-----------|--------|-------------------------|--------------------------|
|   | số        | minh   | 1/1/2010 đến            | 1/1/2009 đến             |
|   |           |        | 30/6/2010               | 30/6/2009                |
|   |           |        | VND                     | VND                      |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |           |        |                         |                          |
| Thu từ vay ngắn hạn                           | 33        |        | 436.269.488.697         | 174.111.429.054          |
| Chi trả nợ gốc                                | 34        |        | (474.168.921.843)       | (277.157.929.150)        |
| Chi trả cổ tức                                | 36        |        | (12.645.411.844)        | (31.082.286.140)         |
| <b>Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính</b> | <b>40</b> |        | <b>(50.544.844.990)</b> | <b>(134.128.786.236)</b> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                | 50        |        | (64.206.529.950)        | 80.180.861.827           |
| Tiền và các khoản tương đương đầu kỳ          | 60        |        | 91.518.401.006          | 54.567.197.644           |
| Tiền và các khoản tương đương cuối kỳ         | 70        | 3      | 27.311.871.056          | 134.748.059.471          |

Người lập:



Nguyễn Thị Hương  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thị Thông  
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 8 năm 2010

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

## Công ty Cổ phần Ngô Han

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

#### 1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Ngô Han (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nguyên liệu đồng, nhôm, dây và cáp điện; mua bán nguyên liệu đồng, nhôm, sơn cách điện, giấy cách điện, dây điện từ, dây và cáp điện; và mua bán phế liệu phế thải đồng và nhôm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 Công ty có 187 nhân viên (31/12/2009: 179 nhân viên).

#### 2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

##### (a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Cáo báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*. Các báo cáo tài chính cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

##### (b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

##### (c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương đương tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 (“VAS 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

## **Công ty Cổ phần Ngô Han**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá. Thông tư này yêu cầu các chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau. Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng VAS 10 để ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

#### **(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## **Công ty Cổ phần Ngô Han**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

#### **(g) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà xưởng              | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc                | 4 – 12 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 8 năm  |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm      |

#### **(h) Tài sản cố định vô hình**

##### ***Phần mềm vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

##### **(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

##### **(j) Chi phí trả trước dài hạn**

Công cụ được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ hai đến ba năm.

## **Công ty Cổ phần Ngô Han**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

#### **(k) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

#### **(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### **(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(n) Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**Công ty Cổ phần Ngô Han**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010  
(tiếp theo)**

**(o) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của Tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và bán dây cáp điện và trên một bộ phận địa lý duy nhất là Việt Nam.

**(s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Ngô Han**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010  
(tiếp theo)**

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                    | <b>30/6/2010</b> | <b>31/12/2009</b> |
|--------------------|------------------|-------------------|
|                    | <b>VND</b>       | <b>VND</b>        |
| Tiền mặt           | 18.140.348       | 310.775.604       |
| Tiền gửi ngân hàng | 4.633.730.708    | 3.707.625.402     |
| Tương đương tiền   | 22.660.000.000   | 87.500.000.000    |
|                    | <hr/>            | <hr/>             |
|                    | 27.311.871.056   | 91.518.401.006    |
|                    | <hr/>            | <hr/>             |

Trong tiền và tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 có số tiền khác VND tương đương 664 triệu VND (31/12/2009: 63 triệu VND).

**4. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan là 73 triệu VND (31/12/2009: 166 triệu VND). Các khoản này không được bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Phải thu khác bao gồm:

|                 | <b>30/6/2010</b> | <b>31/12/2009</b> |
|-----------------|------------------|-------------------|
|                 | <b>VND</b>       | <b>VND</b>        |
| Tạm ứng         | 883.505.646      | 598.436.936       |
| Ký quỹ ngắn hạn | 112.144.500      | 112.144.500       |
| Khác            | 214              | 4.965.313         |
|                 | <hr/>            | <hr/>             |
|                 | 995.650.360      | 715.546.749       |
|                 | <hr/>            | <hr/>             |

OK

**Công ty Cổ phần Ngô Han****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010  
(tiếp theo)**

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

|                        | Giai đoạn từ<br>1/1/2010 đến<br>30/6/2010<br>VND | Giai đoạn từ<br>1/1/2009 đến<br>30/6/2009<br>VND |
|------------------------|--|--|
| Số dư đầu kỳ           | 216.517.281                                      | 161.199.607                                      |
| Tăng dự phòng trong kỳ | -  | -  |
| Số dư cuối kỳ          | 216.517.281                                      | 161.199.607                                      |

**5. Hàng tồn kho**

|                         | 30/6/2010<br>VND | 31/12/2009<br>VND |
|-------------------------|------------------|-------------------|
| Hàng đang đi đường      | -                | 43.517.385.141    |
| Nguyên vật liệu         | 82.436.497.509   | 21.619.516.612    |
| Công cụ và dụng cụ      | 2.112.006.071    | 1.980.303.854     |
| Sản phẩm dở dang        | 719.563.605      | 1.140.317.952     |
| Thành phẩm              | 77.935.296.691   | 112.225.664.987   |
| Hàng tồn kho mua để bán | -                | 357.214.210       |
|                         | 163.203.363.876  | 180.840.402.756   |

Hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 82,436 triệu VNĐ (31/12/2009: 55,791 triệu VNĐ) được thế chấp với một ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

OK



**Công ty Cổ phần Ngô Han**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**6. Tài sản cố định hữu hình**

| Nguyên giá                        | Nhà xưởng<br>VND      | Máy móc<br>VND         | Thiết bị<br>văn phòng<br>VND | Phương tiện vận<br>chuyển<br>VND | Tổng<br>VND            |
|-----------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu kỳ                      | 11.658.770.002        | 116.436.333.798        | 1.030.141.453                | 5.646.281.715                    | 134.771.526.968        |
| Tăng trong kỳ                     | 392.857.794           | 221.724.327            | 195.678.000                  | -                                | 810.260.121            |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 23.758.905            | 7.721.589.407          | -                            | -                                | 7.745.348.312          |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>              | <b>12.075.386.701</b> | <b>124.379.647.532</b> | <b>1.225.819.453</b>         | <b>5.646.281.715</b>             | <b>143.327.135.401</b> |
| <b>Khấu hao lũy kế</b>            |                       |                        |                              |                                  |                        |
| Số dư đầu kỳ                      | 4.014.687.550         | 70.734.258.132         | 701.321.357                  | 4.072.673.373                    | 79.522.940.412         |
| Khấu hao trong kỳ                 | 282.460.462           | 4.269.515.412          | 66.916.071                   | 219.387.192                      | 4.838.279.137          |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>              | <b>4.297.148.012</b>  | <b>75.003.773.544</b>  | <b>768.237.428</b>           | <b>4.292.060.565</b>             | <b>84.361.219.549</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>            |                       |                        |                              |                                  |                        |
| Số dư đầu kỳ                      | 7.644.082.452         | 45.702.075.666         | 328.820.096                  | 1.573.608.342                    | 55.248.586.556         |
| Số dư cuối kỳ                     | 7.778.238.689         | 49.375.873.988         | 457.582.025                  | 1.354.221.150                    | 58.965.915.852         |

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản nguyên giá 22.898 triệu VND đã khấu hao hết tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (31/12/2009: 21.104 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 27.342 triệu VND (31/12/2009: 29.481 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Ngô Han**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010  
(tiếp theo)**

**7. Tài sản cố định vô hình**

|                                   | <b>Phần mềm<br/>vi tính<br/>VND</b> |
|-----------------------------------|-------------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                 |                                     |
| Số dư đầu kỳ                      | 606.278.318                         |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 1.663.051.500                       |
|                                   | <hr/>                               |
| Số dư cuối kỳ                     | 2.269.329.818                       |
|                                   | <hr/>                               |
| <b>Phân bổ lũy kế</b>             |                                     |
| Số dư đầu kỳ                      | 432.163.747                         |
| Phân bổ trong kỳ                  | 282.299.847                         |
|                                   | <hr/>                               |
| Số dư cuối kỳ                     | 714.463.594                         |
|                                   | <hr/>                               |
| <b>Giá trị còn lại</b>            |                                     |
| Số dư đầu kỳ                      | 174.114.571                         |
| Số dư cuối kỳ                     | 1.554.866.224                       |
|                                   | <hr/>                               |

**8. Xây dựng cơ bản dở dang**

|                                      | <b>VND</b>      |
|--------------------------------------|-----------------|
| Số dư đầu kỳ                         | 15.250.695.731  |
| Tăng trong kỳ                        | 2.787.690.612   |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (7.745.348.312) |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình  | 1.663.051.500   |
|                                      | <hr/>           |
| Số dư cuối kỳ                        | 8.629.986.531   |
|                                      | <hr/>           |

**Công ty Cổ phần Ngô Han****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010  
(tiếp theo)****9. Chi phí trả trước dài hạn**

|                  | <b>Công cụ<br/>VND</b> |
|------------------|------------------------|
| Số dư đầu kỳ     | 981.453.553            |
| Tăng trong kỳ    | 2.885.722.856          |
| Phân bổ trong kỳ | (684.079.982)          |
|                  | <hr/>                  |
| Số dư cuối kỳ    | 3.183.096.427          |
|                  | <hr/>                  |

**10. Vay ngắn hạn**

|              | <b>30/6/2010<br/>VND</b> | <b>31/12/2009<br/>VND</b> |
|--------------|--------------------------|---------------------------|
| Vay ngắn hạn | 134.808.246.983          | 172.707.680.129           |
|              | <hr/>                    | <hr/>                     |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, khoản vay ngắn hạn được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 27.342 triệu VND (31/12/2009: 29.481 triệu VND) và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 82.436 triệu VND (31/12/2009: 55.791 triệu VND). Trong năm, các khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm trong khoảng từ 4% đến 6,5% và các khoản vay bằng Đồng Việt Nam chịu lãi suất 12% một năm (31/12/2009: 3% đến 6,5% cho các khoản vay bằng Đô la Mỹ và 9% đến 12% cho các khoản vay bằng Đồng Việt Nam).

**11. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

|                            | <b>30/6/2010<br/>VND</b> | <b>31/12/2009<br/>VND</b> |
|----------------------------|--------------------------|---------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng      | 12.016.345.902           | 7.778.442.937             |
| Thuế nhập khẩu             | 192.367.465              | 70.836.809                |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 20.733.006.346           | 9.875.451.469             |
| Thuế thu nhập cá nhân      | -                        | 13.751.850                |
|                            | <hr/>                    | <hr/>                     |
|                            | 32.941.719.713           | 17.738.483.065            |
|                            | <hr/>                    | <hr/>                     |

**Công ty Cổ phần Ngô Han**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010  
(tiếp theo)**

**12. Chi phí trích trước**

|                         | <b>30/6/2010</b> | <b>31/12/2009</b> |
|-------------------------|------------------|-------------------|
|                         | <b>VND</b>       | <b>VND</b>        |
| Hoa hồng cho khách hàng | 1.342.228.394    | 1.010.889.999     |
| Chi phí lãi vay         | 615.704.731      | 1.041.000.392     |
| Lương tháng 13          | 601.560.069      | 1.932.959.000     |
| Phí kiểm toán           | 166.769.997      | 171.099.997       |
| Chi phí khác            | -                | 5.494.626         |
|                         | <hr/>            | <hr/>             |
|                         | 2.726.263.191    | 4.161.444.014     |
|                         | <hr/>            | <hr/>             |

**13. Phải trả khác**

|                                    | <b>30/6/2010</b> | <b>31/12/2009</b> |
|------------------------------------|------------------|-------------------|
|                                    | <b>VND</b>       | <b>VND</b>        |
| Bảo hiểm xã hội                    | 253.663.560      | 63.817.912        |
| Tài sản thừa chờ xử lý             | 295.710.325      | 295.710.325       |
| Nguyên vật liệu giữ hộ để gia công | 37.644.923       | 4.770.469.011     |
| Cổ tức phải trả                    | 1.563.237.156    | 5.028.399.000     |
| Phải trả khác                      | 309.823.742      | 378.388.108       |
|                                    | <hr/>            | <hr/>             |
|                                    | 2.460.079.706    | 10.536.784.356    |
|                                    | <hr/>            | <hr/>             |

Tài sản thừa chờ xử lý là số hàng tồn kho thừa phát hiện trong quá trình kiểm kê.

**14. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

|                           | <b>VND</b>    |
|---------------------------|---------------|
| Số dư đầu kỳ              | 1.141.944.500 |
| Sử dụng dự phòng trong kỳ | (7.441.500)   |
|                           | <hr/>         |
| Số dư cuối kỳ             | 1.134.503.000 |
|                           | <hr/>         |

OK

## Công ty Cổ phần Ngô Han

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc hai mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty đã đóng 20,6 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009: 61,9 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh.

## 15. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

|                        | 30/6/2010            |                 | 31/12/2009           |                 |
|------------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|                        | Số lượng<br>cổ phiếu | VND             | Số lượng<br>cổ phiếu | VND             |
| Vốn cổ phần được duyệt | 22.950.627           | 229.506.273.435 | 22.950.627           | 229.506.273.435 |
| Cổ phiếu đã phát hành  |                      |                 |                      |                 |
| Cổ phiếu phổ thông     | 22.950.627           | 229.506.273.435 | 22.950.627           | 229.506.273.435 |
| Cổ phiếu đang lưu hành |                      |                 |                      |                 |
| Cổ phiếu phổ thông     | 22.950.627           | 229.506.273.435 | 22.950.627           | 229.506.273.435 |

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi được hoãn lại cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

**Công ty Cổ phần Ngô Han****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010  
(tiếp theo)**

Danh sách các cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:

|  | Số lượng<br>cổ phiếu | Đã góp          |        |
|--|----------------------|-----------------|--------|
|  |                      | VND             | %      |
| Bà Ngô Thị Thông   | 5.826.743            | 58.267.430.000  | 25,39% |
| Ông Nguyễn Vũ Dương  | 2.216.709            | 22.167.090.000  | 9,66%  |
| Ông Nguyễn Văn Vũ Lượng  | 1.497.776            | 14.977.760.000  | 6,53%  |
| Quỹ Doanh Nghiệp Mekong TNHH   | 4.750.089            | 47.500.890.000  | 20,70% |
| Quỹ Doanh Nghiệp Mckong II TNHH  | 2.066.930            | 20.669.300.000  | 9,01%  |
| Quỹ Bản Việt   | 2.272.339            | 22.723.390.000  | 9,90%  |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi<br>nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | 2.499.573            | 24.995.730.000  | 10,89% |
| Các cổ đông khác   | 1.820.468            | 18.204.683.435  | 7,93%  |
|  | 22.950.627           | 229.506.273.435 | 100%   |

**16. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán trên hóa đơn chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**17. Giá vốn hàng bán**

|                                     | Giai đoạn từ<br>1/4/2010 đến<br>30/6/2010<br>VND | Giai đoạn từ<br>1/1/2010 đến<br>30/6/2010<br>VND | Giai đoạn từ<br>1/4/2009 đến<br>30/6/2009<br>VND | Giai đoạn từ<br>1/1/2009 đến<br>30/6/2009<br>VND |
|-------------------------------------|--|--|--|--|
| Tổng giá vốn hàng bán               |  |  |  |  |
| ▪ Thành phẩm đã bán                 | 182.994.169.437                                  | 352.062.073.406                                  | 179.156.110.384                                  | 295.800.909.195                                  |
| ▪ Nguyên vật liệu đã<br>bán         | 45.966.715.892                                   | 99.088.795.648                                   | 36.187.046.165                                   | 123.397.033.817                                  |
| ▪ Khác                              | 3.592.727.518                                    | 293.303.147                                      | 3.221.002.908                                    | 1.329.759.000                                    |
| ▪ Dự phòng giảm giá<br>hàng tồn kho | -  | -  | -  | (16.492.957.744)                                 |
|                                     | 232.553.612.847                                  | 451.444.172.201                                  | 218.564.159.457                                  | 404.034.744.268                                  |

**Công ty Cổ phần Ngô Han**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010  
(tiếp theo)**

**18. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                       | <b>Giai đoạn từ<br/>1/4/2010 đến<br/>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>Giai đoạn từ<br/>1/1/2010 đến<br/>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>Giai đoạn từ<br/>1/4/2009 đến<br/>30/6/2009<br/>VNĐ</b> | <b>Giai đoạn từ<br/>1/1/2009 đến<br/>30/6/2009<br/>VNĐ</b> |
|---------------------------------------|--|--|--|--|
| Thu nhập lãi tiền gửi                 | 753.404.373  | 3.354.494.156  | 766.280.326  | 1.105.373.440  |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã<br>thực hiện | 1.218.264.292  | 2.516.195.241  | 483.160.171  | 2.120.536.654  |
|                                       | <hr/>  | <hr/>  | <hr/>  | <hr/>  |
|                                       | 1.971.668.665  | 5.870.689.397  | 1.249.440.497  | 3.225.910.094  |

**19. Chi phí hoạt động tài chính**

|                                      | <b>Giai đoạn từ<br/>1/4/2010 đến<br/>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>Giai đoạn từ<br/>1/1/2010 đến<br/>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>Giai đoạn từ<br/>1/4/2009 đến<br/>30/6/2009<br/>VNĐ</b> | <b>Giai đoạn từ<br/>1/1/2009 đến<br/>30/6/2009<br/>VNĐ</b> |
|--------------------------------------|--|--|--|--|
| Chi phí lãi vay                      | 1.368.360.462  | 4.931.317.495  | 1.505.186.373  | 3.758.031.931  |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã<br>thực hiện | 1.869.717.653  | 11.610.653.032   | 3.628.054.867  | 13.458.183.391   |
|                                      | <hr/>  | <hr/>  | <hr/>  | <hr/>  |
|                                      | 3.238.078.115  | 16.541.970.527   | 5.133.241.240  | 17.216.215.322   |

**Công ty Cổ phần Ngô Han**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**  
(tiếp theo)

**20. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

|   | Giai đoạn từ<br>1/4/2010 đến<br>30/6/2010<br>VND | Giai đoạn từ<br>1/1/2010 đến<br>30/6/2010<br>VND | Giai đoạn từ<br>1/4/2009 đến<br>30/6/2009<br>VND | Giai đoạn từ<br>1/1/2009 đến<br>30/6/2009<br>VND |
|---|--|--|--|--|
| <b>Thuế thu nhập hiện hành</b>  |  |  |  |  |
| Giai đoạn hiện tại  | 6.910.372.410                                    | 12.514.519.242                                   | 1.656.964.365                                    | 1.656.964.365                                    |
| <b>Thuế thu nhập hoãn lại</b><br>Phát sinh và hoàn<br>nhập các khoản chênh<br>lệch tạm thời | -  | -  | -  | -  |
|   | <u>6.910.372.410</u>                             | <u>12.514.519.242</u>                            | <u>1.656.964.365</u>                             | <u>1.656.964.365</u>                             |

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

|                                    | Giai đoạn từ<br>1/4/2010 đến<br>30/6/2010<br>VND | Giai đoạn từ<br>1/1/2010 đến<br>30/6/2010<br>VND | Giai đoạn từ<br>1/4/2009 đến<br>30/6/2009<br>VND | Giai đoạn từ<br>1/1/2009 đến<br>30/6/2009<br>VND |
|------------------------------------|--|--|--|--|
| Lợi nhuận trước thuế               | 27.641.489.636                                   | 50.058.076.962                                   | 28.312.860.713                                   | 9.468.367.801                                    |
| Thuế theo thuế suất<br>của Công ty | 6.910.372.410                                    | 12.514.519.242                                   | 7.078.215.178                                    | 2.367.091.950                                    |
| Ưu đãi thuế                        | -  | -  | (710.127.585)                                    | (710.127.585)                                    |
| Lỗi tính thuế được sử<br>dụng      | -  | -  | (4.711.123.228)                                  | -  |
|                                    | <u>6.910.372.410</u>                             | <u>12.514.519.242</u>                            | <u>1.656.964.365</u>                             | <u>1.656.964.365</u>                             |

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ("Thông tư 03") do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009, hoạt động của Công ty thỏa mãn tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhỏ và vừa và do đó Công ty được giảm 30 phần trăm chi phí thuế thu nhập hiện hành cho quý bốn của năm 2008 và cả năm 2009.



## Công ty Cổ phần Ngô Han

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010  
(tiếp theo)

### (c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

## 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

### (i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

|   | Giai đoạn từ<br>1/4/2010 đến<br>30/6/2010<br>VNĐ | Giai đoạn từ<br>1/1/2010 đến<br>30/6/2010<br>VNĐ | Giai đoạn từ<br>1/4/2009 đến<br>30/6/2009<br>VNĐ | Giai đoạn từ<br>1/1/2009 đến<br>30/6/2009<br>VNĐ |
|---|--|--|--|--|
| Lợi nhuận thuần trong kỳ                      | 20.731.117.226                                   | 37.543.557.720                                   | 26.655.896.348                                   | 7.811.403.436                                    |
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông | 20.731.117.226                                   | 37.543.557.720                                   | 26.655.896.348                                   | 7.811.403.436                                    |

### (ii) Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông

|   | Giai đoạn từ<br>1/4/2010 đến<br>30/6/2010 | Giai đoạn từ<br>1/1/2010 đến<br>30/6/2010 | Giai đoạn từ<br>1/4/2009 đến<br>30/6/2009 | Giai đoạn từ<br>1/1/2009 đến<br>30/6/2009 |
|---|---|---|---|---|
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ                  | 22.950.627                                | 22.950.627                                | 22.950.627                                | 22.723.393                                |
| Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng            | -   | -   | -   | 227.234                                   |
| Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông cuối kỳ | 22.950.627                                | 22.950.627                                | 22.950.627                                | 22.950.627                                |

## 22. Cổ tức

Vào ngày 27 tháng 4 năm 2010, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định chia cổ tức tương đương 9.180 triệu VNĐ (4% trên mệnh giá), trong đó 7.617 triệu VNĐ đã được trả trong kỳ.

OK

**Công ty Cổ phần Ngô Han**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010  
(tiếp theo)**

**23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Trong kỳ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

| <b>Giá trị giao dịch</b>  | <b>Giai đoạn từ<br/>1/1/2010 đến<br/>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>Giai đoạn từ<br/>1/1/2009 đến<br/>30/6/2009<br/>VNĐ</b> |
|---|--|--|
| <b>Bên liên quan</b>  |  |  |
| Bán thành phẩm  | -  | 13.904.713.147   |
| Hoa hồng phải trả   | 117.589.120  | 359.066.092  |
| Mua máy móc   | 185.174.242  | 323.946.240  |
| Chi phí gia công khuôn  | 114.529.169  | 127.879.178  |
| <br>  |  |  |
| Lương thưởng cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc | 1.299.632.000  | 672.637.000  |

**24. Các cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

|                    | <b>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>31/12/2009<br/>VNĐ</b> |
|--------------------|--------------------------|---------------------------|
| Trong vòng một năm | 280.046.352              | 745.127.216               |
| Từ hai đến năm năm | 150.108.000              | 150.108.000               |
| Trên năm năm       | 1.191.169.525            | 1.210.037.267             |
|                    | <hr/>                    | <hr/>                     |
|                    | 1.621.323.877            | 2.105.272.483             |

OK

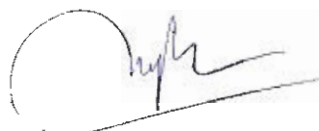
**Công ty Cổ phần Ngô Han**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010  
(tiếp theo)**

**25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

|  | <b>Giai đoạn từ<br/>1/1/2010 đến<br/>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>Giai đoạn từ<br/>1/1/2009 đến<br/>30/6/2009<br/>VNĐ</b> |
|--|--|--|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 429.171.765.192  | 379.007.370.138  |
| Chi phí nhân công và nhân viên                 | 6.529.956.117  | 4.838.879.800  |
| Chi phí khấu hao và phân bổ                    | 5.804.658.966  | 5.118.254.172  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 5.825.486.422  | 4.902.025.432  |
| Chi phí khác                                   | 7.972.653.588  | 2.570.357.004  |

Người lập:



Nguyễn Thị Hương  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thị Thông  
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 8 năm 2010